TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-08-2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Lê Hồng Thắm

2/- Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 08 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 06 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 09 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Thạch Thị S trình bày: Chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V xây dựng hôn nhân gia đình năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống, chị S và anh V có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/5/2014; Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/12/2019. Hiện cháu N và cháu A đang sống cùng với chị S. Ngoài ra, chị S và anh V không còn con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị S và anh V là do bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2020 đến nay.

Từ khi chị S và anh V xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị S và anh V đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, chị S không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh V.

Nay, chị Thạch Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/12/2019, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị S không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Nguyễn Văn V không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh Nguyễn Văn V cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Thạch Thị S theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Văn V, nhưng anh Nguyễn Văn V không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung đề xuất: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Thạch Thị S đối với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thạch Thị S không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn V được quyền thăm nom con không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Thạch Thị S phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Thạch Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn V, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Thạch Thị S có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn V vắng mặt. Toà án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Văn V để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V theo quy định, nhưng anh Nguyễn Văn V vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V xây dựng hôn nhân gia đình năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2015. Vì thế, hôn nhân giữa chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị Thạch Thị S xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị S và anh V là do bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ

tháng 08 năm 2020 đến nay. Từ khi sống ly thân, chị S và anh V đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được, nên chị Thạch Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị S và anh V không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị S và anh V đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với anh V, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ anh V đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh V, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị S và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Thạch Thị S đối với anh Nguyễn Văn V.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị S và anh V có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/5/2014; Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/12/2019. Hiện cháu N và cháu A đang sống cùng với chị S. Ngoài ra, chị S và anh V không còn con chung, con nuôi nào khác. Khi ly hôn, chị S nguyện vọng yêu cầu nuôi cháu N và cháu A. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V vắng mặt, không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu N đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu để giao cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu N (BL - 36), cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị S. Còn cháu A trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, hiện đang sống ổn định với chị S. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu N và cháu A, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu N và cháu A, nên cần tiếp tục giao cháu N và cháu A cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng: Chị Thạch Thị S không yêu cầu anh Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị S xác định chị S và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Thạch Thị S phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị S đối với anh Nguyễn Văn V, xử cho ly hôn giữa chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V.

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc N, sinh ngày 09/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thạch Thị S không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn V được quyền thăm nom con không ai được quyền cản trở.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị S xác định chị Thạch Thị S và anh Nguyễn Văn V không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu, nên không giải quyết.

4/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Thạch Thị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006081 ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau) được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7- Cà Mau;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên